

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT

Ngày 24 - 9 - 2020

V/v: Kiện đòi tài sản là quyền sử
dụng đất và tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Nam.

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-TC ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị B. Địa chỉ: X1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Văn M, sinh năm 1956. Địa chỉ: X2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 02 năm 2020): Anh Vũ Xuân T1 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn D, Luật sư của Công ty Luật TNHH H1, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: X3, khu đô thị X6, phường Y, quận H2, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Xuân T1. Địa chỉ: X2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.
- Bà Hoàng Thị N. Địa chỉ: X2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 02 năm 2020): Anh Vũ Xuân T1 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn).

4. Người làm chứng:

- Anh Vũ Minh H3. Địa chỉ: X4, thôn N1, xã D1, huyện T3, tỉnh Hưng Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bà Vũ Thị T2. Địa chỉ: X5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.
- Bà Vũ Thị H4. Địa chỉ: X2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Vũ Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bố mẹ đẻ của ông T là cụ Vũ Công S1 và cụ Lê Thị C có 06 người con gồm ông T và các ông bà: Vũ Văn H5, Vũ Văn M, Vũ Thị T2, Vũ Thị H4 và Vũ Văn Đ, hiện nay ông Vũ Văn H5 và ông Vũ Văn Đ đã chết.

Khi còn sống, cụ S1 cụ C khai hoang được một số thửa đất và đã chia cho các con, cụ thể:

- Chia cho ông H5 một thửa đất đối diện với thửa đất đang tranh chấp;
- Chia cho ông M một thửa đất ở sau Trường Dân tộc nội trú huyện hiện nay;
- Chia cho bà T2 một thửa đất cạnh thửa đất của ông M.

Đến năm 1994, ông T bà B được cụ S1 cụ C giao cho toàn bộ thửa đất có diện tích 940m² dọc bờ S, địa chỉ thửa đất tại X1 (nay là X2), thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 002431 mang tên Vũ Công S1 với điều kiện ông T bà B phải có trách nhiệm trả nợ ngân hàng; Nộp tiền thuê đất hàng năm; Chăm sóc và phụng dưỡng bố mẹ và chia cho em gái là bà Vũ Thị H4 một thửa đất. Việc cho đất không được lập thành văn bản mà chỉ thể hiện bằng lời nói trước sự chứng kiến của các anh chị em trong gia đình.

Do đất trũng nên trong quá trình sử dụng đất, ông T bà B đã đắp đất để cải tạo mặt bằng, việc này kéo dài từ năm 1996 đến năm 2004. Ông T bà B cũng đã làm nhà và chăm sóc, phụng dưỡng cụ S1 cụ C. Khi cụ S1 chết năm 1997, cụ C chết năm 2010, ông T bà B đều chi phí mai táng và năm 2016 đã bốc mộ đưa về quê an táng. Ngoài ra, ông T bà B còn nộp thuế đất hàng năm; Thực hiện việc trả nợ ngân hàng thay cụ S1 cụ C. Những việc này các anh chị em trong gia đình

đều biết và không ai có ý kiến gì.

Năm 2003, ông T bà B vào miền Nam làm ăn. Trong thời gian ông T bà B đi vắng, bà H4 đã đến ở cùng với cụ C, hàng năm thu hoạch hoa màu trên đất và nhận tiền của ông T bà B gửi về để phụng dưỡng cụ C. Ông T bà B cũng nhờ bà H4 thuê người đồ thêm đất để tôn tạo thửa đất.

Năm 2008, ông Vũ Văn M có sang mượn của ông T bà B một thửa đất có chiều dài mặt đường là 05m để con trai ông M là anh Vũ Xuân T1 làm quán sửa xe máy. Khi sang mượn đất, anh T1 có mang theo giấy mượn đất đã viết sẵn nội dung khi nào gia đình ông T có nhu cầu sử dụng thì sẽ trả lại đất để ông T ký.

Năm 2016, các anh chị em trong gia đình ông T đã họp thống nhất cho ông T bà B được sử dụng thửa đất của cụ S1 cụ C có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1. Cũng trong cuộc họp này, ông T tự nguyện tặng cho ông M thửa đất mà ông M đã mượn để cho anh T1 sử dụng từ năm 2008; xác nhận việc chia cho bà H4 05m đất mặt đường và thống nhất việc tách cho ông M và bà H4 02 thửa đất nêu trên.

Tuy nhiên, trong thời gian ông T bà B di chuyển hải cẩu cụ S1 cụ C về quê thì ông M đã lấn chiếm thêm của ông T bà B một thửa đất có chiều dài mặt đường là 05m. Mặc dù khi ông M xây dựng các công trình trên đất, ông T bà B đều có ý kiến can ngăn nhưng ông M vẫn cố tình xây dựng.

Do đó, ông T bà B không nhất trí tặng cho đất cho gia đình ông M và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn M trả lại thửa đất đã mượn và lấn chiếm có chiều dài mặt đường là 10m, chiều sâu là 17m, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 002431 mang tên Vũ Công S1 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số 195/QĐ-UB ngày 21/5/1992.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Văn M trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp là tài sản của bố mẹ đẻ ông M là cụ Vũ Công S1 và cụ Lê Thị C để lại sau khi chết. Năm 2008, được sự nhất trí của cụ C, ông M đã làm quán trên đất và cho con trai là anh Vũ Xuân T1 sử dụng làm quán sửa xe. Ông M cho rằng thửa đất đang tranh chấp là tài sản của cụ S1 cụ C nên ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T bà B và đề nghị chia đôi thửa đất đang tranh chấp cho ông một nửa và ông T bà B một nửa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N và anh Vũ Xuân T1 trình bày ý kiến bà N là vợ còn anh T1 là con trai của ông M. Bà N và anh T1 tham gia tố tụng với bị đơn ông Vũ Văn M, nhất trí với ý kiến trình bày của ông M và không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của ông T bà B.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 579 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị B.

2. Buộc bị đơn ông Vũ Văn M trả lại cho ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị B toàn bộ diện tích đất đang lấn chiếm thuộc thửa đất số 319, diện tích sử dụng 201,9m², đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đường B1, dài 9,85m;
- Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Văn K1, dài 20,5m;
- Phía Bắc giáp đất mang tên Vũ Công S1, dài 20,5m;
- Phía Tây giáp đường bờ S, rộng 9,85m.

Địa chỉ thửa đất tại ổ dân phố 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 002431 mang tên Vũ Công S1 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số 195/QĐ-UB ngày 21/5/1992.

3. Buộc anh Vũ Xuân T1 tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên thửa đất nêu trên bao gồm:

- 01 ngôi nhà có diện tích là 74,24m², có các tứ cận: Phía Đông giáp đường B1 rộng 4,95m; Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Văn K1 dài 15m; Phía Bắc giáp nhà thứ 2 dài 15m; Phía Tây giáp chuồng gà rộng 4,95m.

- 01 ngôi nhà có diện tích là 51,9m², có các tứ cận: Phía Đông giáp đường B1 rộng 4,9m; Phía Nam giáp nhà thứ nhất, dài 10,6m; Phía Bắc giáp đất mang tên Vũ Công S1, dài 10,6m; Phía Tây giáp vườn rộng 4,85m.

- 01 chuồng gà lợp tôn diện tích 27,3m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/11/2019, ông Vũ Văn M là bị đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/9/2020:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến cho rằng các đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất là di sản của cụ Vũ Công S1 và cụ Lê Thị C nên đây là vụ án tranh chấp về phân chia di sản thừa kế, không phải vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định. Đối với biên bản họp gia đình ngày 22/10/2016, ông Vũ Văn M và bà Vũ Thị T2 đều khẳng định không được tham gia cuộc họp này. Ông Vũ Đức T không đưa ra được chứng cứ thuyết phục về việc cho ông M mượn đất và cũng không xác định được chữ ký trong Giấy xin mượn đất ngày 10/7/2008 là của ai. Đối với Giấy ủy quyền ngày 18/3/2003, đây không phải là

căn cứ xác định ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà T2. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đánh giá chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị B cho rằng đã được bố mẹ là cụ Vũ Công S1 và cụ Lê Thị C tặng cho quyền sử dụng thửa đất đang tranh chấp từ năm 1994. Sau khi được tặng cho đất, ông T bà B đã xây nhà cho cụ S1 cụ C ở; trả nợ ngân hàng và nộp thuế đất hàng năm theo quy định. Sau khi cụ S1 cụ C chết, ông T bà B là người chi phí mai táng, sau đó bốc mộ đưa về quê chôn cất. Trong quá trình sử dụng đất, ông T bà B đã bán đi 02 thửa đất nhưng ông M và các anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Việc ông T bà B cho ông M mượn đất được chứng minh bằng Giấy mượn đất do gia đình ông M viết. Năm 2016, các anh chị em trong gia đình ông T còn tổ chức họp gia đình để phân chia đất, biên bản họp có chữ ký của các anh chị em trong gia đình, chữ ký của bà Hoàng Thị N là vợ của ông M (Do ông M không biết chữ) và có xác nhận của tổ dân phố thể hiện các anh chị em trong gia đình đã đồng ý giao cho ông T bà B được sử dụng đất đúng như di nguyện của cụ S1 cụ C. Do đó, ông T bà B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Đối với việc cụ S1 cụ C hứa cho bà T2 01 thửa đất, ông T bà B nhất trí nhưng sẽ thanh toán bằng tiền tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất tặng cho bà T2.

Người làm chứng bà Vũ Thị T2 xác nhận có việc ông T bà B cho ông M mượn 01 thửa đất vào năm 2008. Đối với cuộc họp gia đình ngày 22/10/2016, bà T2 cho rằng không được tham gia cuộc họp này nhưng xác nhận chữ ký trong biên bản họp đúng là chữ ký của bà. Đối với quyền sử dụng đất của cụ S1 cụ C, bà T2 đề nghị được chia 01 thửa đất như cụ S1 cụ C đã hứa khi còn sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đánh giá chứng cứ. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/9/2020:

Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị B nhất trí tặng cho gia đình ông Vũ Văn M thửa đất đã cho mượn từ năm 2008. Đối với thửa đất mà gia đình ông M lấn chiếm thêm từ năm 2016, ông T bà B giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/9/2020 là yêu cầu gia đình ông M phải trả lại cho ông bà

thửa đất này và không có thêm ý kiến gì khác.

Anh Vũ Xuân T1 nhất trí với việc ông T bà B tự nguyện tặng cho gia đình anh thửa đất mà ông T bà B cho rằng đã cho gia đình anh mượn từ năm 2008. Đối với thửa đất còn lại, anh giữ nguyên ý kiến cho rằng gia đình anh không được lấn chiếm thửa đất này của ông T bà B nên anh không nhất trí trả lại đất cho ông T bà B.

Người làm chứng bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H4 nhất trí với việc ông T bà B tặng cho gia đình ông M thửa đất mà ông T bà B cho rằng đã cho ông M mượn từ năm 2008. Xác nhận khi còn sống, cụ S1 cụ C khai hoang được một số thửa đất và đều đã tặng cho các con, việc tặng cho chỉ được thực hiện bằng lời nói, không được lập thành văn bản. Đối với thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1 (*hiện nay đang tranh chấp*), ông T bà B đã về ở với cụ S1 cụ C trên thửa đất này từ năm 1994. Sau khi về ở cùng với cụ S1 cụ C thì ông T bà B đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng và làm nhà cho cụ S1 cụ C ở; quản lý, sử dụng và tôn tạo thửa đất của cụ S1 và cụ C; chuyển nhượng một phần thửa đất cho người khác vào năm 2001 và năm 2003 nhưng các anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Khi cụ S1 và cụ C chết, ông T bà B đã chi phí mai táng, đồng thời lo toàn bộ chi phí bốc mộ, đưa cụ S1 cụ C về quê để chôn cất. Đối với phần diện tích đất còn lại, bà T2 và bà H4 không có tranh chấp và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án như đã đề nghị tại phiên tòa ngày 22/9/2020, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Vũ Công S1 và cụ Lê Thị C:

Khi còn sống, cụ S1 và cụ C đã khai hoang được 03 thửa đất, cụ thể như sau:

[1.1] Thửa số 1: Đối diện với thửa đất mà cụ S1 cụ C ở. Thửa đất này cụ S1 cụ C đã tặng cho ông Vũ Văn H5. Việc tặng cho chỉ được thực hiện bằng lời nói. Sau khi ông H5 chết vào năm 2016, con trai ông H5 là anh Vũ Minh H3 đã chuyển nhượng cho người khác để về Hưng Yên sinh sống. Khi anh H3 chuyển nhượng đất thì các anh chị em trong gia đình ông T không ai có ý kiến và không có tranh chấp.

[1.2] Thửa số 2: Ở sau Trường Dân tộc nội trú huyện S. Thửa đất này cụ S1 cụ C đã tặng cho ông Vũ Văn M. Việc tặng cho chỉ được thực hiện bằng lời nói. Trong quá trình sử dụng đất, ông M đã tách cho bà T2 01 thửa đất. Mặc dù bà T2 cho rằng thửa đất này bà nhận chuyển nhượng của ông M nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Các anh chị em trong gia đình ông T không tranh chấp đối với thửa đất ông M và bà T2 đang quản lý, sử dụng.

[1.3] Thửa số 3: Diện tích 940m², gồm 150m² đất ở và 790m² đất vườn tại tiểu khu 1, thị trấn S, huyện S, đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1 theo Quyết định số 195/QĐ-UB ngày 21/5/1992.

Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị B cho rằng cụ S1 cụ C đã tặng cho ông bà thửa đất này từ năm 1994 với điều kiện ông bà phải thực hiện các nghĩa vụ gồm: Trả nợ ngân hàng; nộp thuế đất hàng năm; chăm sóc và phụng dưỡng cụ S1 cụ C và chia cho bà Vũ Thị H4 01 thửa đất. Việc tặng cho được thực hiện bằng lời nói và ông bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo yêu cầu của cụ S1 cụ C.

Ông M và người đại diện theo ủy quyền của ông M lại cho rằng năm 1997 cụ S1 chết không để lại di chúc. Đến năm 2008 thì cụ C đã phân chia cho gia đình ông 10m đất mặt đường trong tổng diện tích đất nêu trên. Sau khi được chia đất thì gia đình ông đã quản lý và sử dụng đất ổn định nên không nhất trí với ý kiến của ông T bà B.

Như vậy, ngoài thửa đất số 3 có tranh chấp thì các anh chị em trong gia đình ông T không có tranh chấp đối với 02 thửa đất còn lại (Thửa số 1 và số 2 nêu trên). Việc tặng cho 02 thửa đất này đều chỉ được thực hiện bằng lời nói, không được lập thành giấy tờ, văn bản nhưng các anh chị em trong gia đình ông T đều nhất trí, không có tranh chấp.

[2] Về việc thực hiện nghĩa vụ đối với cụ S1 cụ C của ông T bà B:

Lời khai của ông M, người đại diện của ông M và bà Vũ Thị T2, bà Vũ Thị H4 tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của ông T bà B, do đó có đủ cơ sở xác định:

Ông T bà B đã về ở cùng với cụ S1 cụ C trên thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1 (Thửa số 3 nêu trên) từ năm 1994. Trong thời gian ở cùng với cụ S1 và cụ C, ông T bà B đã thực hiện các nghĩa vụ gồm:

[2.1] Trả nợ ngân hàng cho cụ S1 cụ C. Việc này được chứng minh bằng Giấy ủy quyền lập ngày 18/3/2003 với nội dung cụ C ủy quyền cho ông T đại diện hộ gia đình trong mọi quan hệ vay vốn với ngân hàng gồm giao dịch, nhận tiền vay, trả nợ, xử lý tài sản đảm bảo,... Kết quả xác minh ngày 11/10/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện S cũng xác định gia đình cụ C không còn dư nợ tại ngân hàng nên có đủ cơ sở xác định ông T bà B đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên.

[2.2] Chia cho bà Vũ Thị H4 01 thửa đất: Lời khai của bà H4 tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đều xác định bà được cụ S1 cụ C hứa cho 01 thửa đất. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất, ông T bà B đã chia cho bà H4 01 thửa đất. Mặc dù chưa thực hiện các thủ tục tách thửa nhưng hiện nay bà H4 vẫn đang sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với các anh em khác trong gia đình nên có đủ cơ sở xác định ông T bà B đã thực hiện nghĩa vụ chia đất cho bà H4.

[2.3] Về việc chăm sóc, phụng dưỡng cụ S1 cụ C: Các anh chị em trong

gia đình ông T đều thừa nhận ông T bà B về ở cùng với cụ S1 cụ C từ năm 1994. Trong thời gian ở cùng cụ S1 cụ C thì ông T bà B đã thuê xe chở đất để tôn tạo đất và làm nhà cho cụ S1 cụ C ở. Mặc dù ông T bà B vào miền Nam làm ăn từ năm 2003 đến năm 2016 nhưng trong thời gian này, ông T bà B vẫn gửi tiền về để bà H4 chăm sóc, phụng dưỡng cụ C và tiếp tục đổ đất để tôn tạo đất. Lời khai của bà H4 tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đều thừa nhận việc này. Sau khi cụ S1 cụ C chết thì ông T bà B là người đã lo toàn bộ chi phí mai táng, đến năm 2016 thì lo toàn bộ chi phí bốc mộ đưa cụ S1 cụ C về quê để chôn cất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng tổng số tiền mà gia đình ông đã chi phí là khoảng 200.000.000đ. Mặc dù người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà T2 và bà H4 cho rằng không biết số tiền ông T bà B đã chi phí mai táng và bốc mộ cụ S1 cụ C để đưa về quê chôn cất là bao nhiêu nhưng xác nhận các ông bà chỉ đóng góp công sức, không đóng góp vật chất và tiền của cho ông T bà B.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có đủ cơ sở xác định ông T bà B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo đúng yêu cầu của cụ S1 và cụ C. Hơn nữa, trong thời gian ở cùng cụ C, ông T bà B còn thuê xe chở đất để tôn tạo đất; chuyển nhượng một phần thửa đất vào năm 2001 và năm 2003 cho người khác nhưng cụ C (thời điểm này vẫn còn sống) và các anh em trong gia đình không ai có ý kiến và không có tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất nêu trên được cụ S1 cụ C tặng cho ông T bà B và việc tặng cho cũng được thực hiện bằng lời nói như đối với các thửa đất đã tặng cho ông H5, ông M và bà T2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về giá trị của Biên bản họp gia đình về việc phân chia đất ngày 22/10/2016:

Về hình thức: Biên bản họp gia đình được lập thành văn bản, mặc dù không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và ông T bà B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng biên bản này có chữ ký của ông T, bà T2, bà H4, bà Hoàng Thị N (là vợ của ông M), anh Vũ Minh H3 là con trai của ông Vũ Văn H5 nên có đủ cơ sở xác định đây là cuộc họp mặt của những người thừa kế để phân chia di sản của cụ S1 cụ C theo quy định tại Điều 681 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về nội dung: Ngoài việc công nhận thửa đất cụ S1 cụ C ở khi còn sống (Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1) đã được phân chia cho ông T bà B thì nội dung biên bản còn ghi nhận việc ông M có mượn của ông T bà B 01 thửa đất có chiều dài mặt đường là 05m vào năm 2008 và ông T bà B nhất trí tặng cho ông M thửa đất này. Mặc dù ông M và người đại diện theo ủy quyền của ông M cho rằng biên bản họp gia đình nêu trên không có giá trị do không có chữ ký của ông M nhưng ông M, người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà Hoàng Thị N đều xác nhận chữ ký trong biên bản đúng là chữ ký của bà N.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông M và người đại diện theo ủy quyền của ông M đều thừa nhận ông M không biết chữ nên việc ông M không ký vào biên bản họp gia đình mà bà N thay mặt ông M ký vào biên bản là

phù hợp với thực tế. Hơn nữa, biên bản này có đầy đủ chữ ký của các anh chị em khác trong gia đình ông M là ông T, bà T2, bà H4, anh H3 và có xác nhận của đại diện tổ dân phố nên có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông M bà N có biết nội dung thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình ngày 22/10/2016. Theo nội dung biên bản nêu trên thì các anh chị em trong gia đình ông T đều công nhận thừa đất cụ S1 cụ C ở khi còn sống đã được phân chia cho ông T bà B và công nhận việc ông M có mượn của ông T bà B 05m đất mặt đường vào năm 2008 như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T bà B về việc buộc ông M phải trả lại 02 thửa đất đang tranh chấp:

Nguyên đơn ông T bà B khởi kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất. Bị đơn ông M cho rằng quyền sử dụng đất đang tranh chấp là tài sản của bố mẹ để lại. Do đó, quan hệ pháp luật phải là Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất do cho mượn và bị lấn chiếm là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì di sản này đã được phân chia cho ông T bà B; tại các biên bản lấy lời khai của anh H3 và ý kiến của bà T2, bà H4 tại phiên tòa phúc thẩm đều xác định không có tranh chấp đối với di sản của cụ S1 cụ C nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Đối với thửa đất có chiều dài mặt đường 05m ông T bà B cho rằng đã cho gia đình ông M mượn từ năm 2008: Tại Biên bản họp gia đình ngày 22/10/2016 thể hiện ông M có được mượn của ông T bà B thửa đất nêu trên và ông T đã nhất trí tặng cho thửa đất này cho ông M. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T bà B xác nhận nội dung trên và vẫn nhất trí tặng cho ông M thửa đất này; người đại diện theo ủy quyền của ông M nhất trí với việc tặng cho đất của ông T bà B, đề nghị được tiếp tục sử dụng đất và các tài sản trên đất. Xét đề nghị của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Đối với thửa đất có chiều dài mặt đường 05m ông T bà B cho rằng đã bị gia đình ông M lấn chiếm từ năm 2016: Mặc dù gia đình ông M đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất nhưng không chứng minh được việc đã được cụ S1 cụ C tặng cho thửa đất này. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên thì toàn bộ thửa đất cụ S1 cụ C ở khi còn sống (Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1) đã được phân chia cho ông T bà B nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T bà B, buộc gia đình ông M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại đất cho ông T bà B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ sự phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng quan hệ pháp luật tranh chấp nhưng vấn đề này đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất được với nhau về việc giải quyết tranh chấp đối với thửa đất ông T bà B cho rằng đã cho gia đình ông M mượn từ năm 2008 nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, ghi nhận sự thỏa thuận

của các đương sự về việc giải quyết tranh chấp đối với thửa đất này. Đối với thửa đất ông T bà B cho rằng bị gia đình ông M lấn chiếm từ năm 2016, xét việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của ông M là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí:

Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Văn M, sửa bản án sơ thẩm nên ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Do ông M sinh năm 1956, tại thời điểm xét xử sơ thẩm năm 2019 là 63 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định nêu trên nên cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vũ Văn M, sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La như sau:

1. Ghi nhận việc ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị B nhất trí tặng cho ông Vũ Văn M thửa đất có diện tích 96,5m² nằm trong tổng diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số 195/QĐ-UB ngày 21/5/1992. Tứ cận thửa đất:

- Phía Đông giáp đường B1 dài 4,95m.
- Phía Tây giáp bờ kè S dài 4,95m.
- Phía Nam giáp đất ông K1 dài 19,5m.
- Phía Bắc giáp thửa đất đang tranh chấp dài 19,5m.

Tài sản trên đất gồm: Nhà chính tường xây gạch chỉ, vữa xi măng, mái lợp tôn, nền láng xi măng diện tích sử dụng 59,4m²; phần bán mái trước 7,42m²; phần bán mái sau 7,42m².

Ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị B và ông Vũ Văn M có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị B về việc buộc ông Vũ Văn M và anh Vũ Xuân T1 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên thửa đất có diện tích 95,5m² nằm trong tổng diện tích đất có Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Công S1 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số 195/QĐ-UB ngày 21/5/1992 để trả lại đất cho ông T bà B. Tứ cận thửa đất:

- Phía Đông giáp đường B1 dài 4,9m.
- Phía Tây giáp bờ kè S dài 4,9m.
- Phía Nam giáp thửa đất đang tranh chấp dài 19,5m.
- Phía Bắc giáp thửa đất vườn ông S1 19,5m.

Tài sản trên đất phải tháo dỡ, di dời gồm: Nhà khung sắt mái lợp tôn, nền lát xi măng diện tích sử dụng 44,59m²; phần bán mái trước 7,35m²; chuồng gà 16,17m².

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

3. Về án phí:

Ông Vũ Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được miễn án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Vũ Văn M 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0004512 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La.

Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2013/03959 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2020).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Người kháng cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh